

SO & SUCH

CỤM TỪ QUAN TRỌNG - B1

1. VOCABULARY - CỤM TỪ QUAN TRỌNG



on the edge
of your seat
/ɒn ði eɪdʒ əv
jə: si:t/
cực kỳ hồi hộp



intense
/ɪn'tens/
căng thẳng,
mãnh liệt



excellent
reviews
/'eksələnt
rɪ'vju:z/
đánh giá tuyệt vời



a bargain
/ə 'bɑ:ɡɪn/
món hời, giá tốt



customer
service
/'kastə ma
'sɜ:vɪs/
dịch vụ
khách hàng



stressed
/'strest/
căng thẳng



stressed out
/'strest 'aʊt/
cực kỳ
căng thẳng



patient
/'peɪʃnt/
kiên nhẫn



a jerk
/ə 'dʒɜ:k/
người khó chịu,
thô lỗ



come close
/'kʌm klu:s/
suýt xảy ra,
tiến lại gần



dangerous
driver
/'deɪndʒərəs
'draɪvə/
tài xế nguy hiểm



make a
mistake
/'meɪk ə
'mɪ'steɪk/
mắc lỗi



choose to
do sth
/tʃu:z tə du:.../
chọn làm gì



have nice
weather
/'hæv naɪs
'weðə/
có thời tiết đẹp



viewers
/'vju:əz/
người xem

2. SO + ADJECTIVE/ADVERB

so + adjective
so good, so delicious,
so exciting, so intense,
so cute, so dangerous...

so + adverb
so quickly, so well...

Ví dụ: The movie was so exciting.

3. SUCH + NOUN PHRASE

such + a/an + adj +
countable noun (singular)
such a good movie,
such a great bargain,
such a nice restaurant...

such + adj + plural noun / uncountable noun
such excellent reviews,
such great customer service,
such nice weather...

Ví dụ: It was such a good movie.

10. PHRASAL VERBS - CHỦ ĐỀ MOVIE / RESTAURANT / EXPERIENCE

check out
xem/thử
địa điểm
Let's check out
that new restaurant.

find out
tìm ra, biết
được
I found out that
the restaurant had
excellent reviews.

turn out
hóa ra
The movie turned
out to be amazing.

end up
cuối cùng thì
We ended up
watching another
movie.

look forward to
mong chờ
I'm looking
forward to seeing
the sequel.

put off
trì hoãn,
làm mất hứng
The bad reviews
put me off the
restaurant.

4. BÀI TẬP 1 - CHỌN SO / SUCH

- That was _____ an exciting movie.
- The ending was _____ exciting.
- They had _____ excellent reviews.
- The restaurant was _____ good.
- It was _____ a bargain!
- He was _____ helpful and patient.
- They provide _____ great customer service.
- That guy was _____ a jerk.
- He was _____ stressed out.
- We had _____ nice weather.
- He is _____ a dangerous driver.
- The movie was _____ intense that I couldn't relax.



5. BÀI TẬP 2 - GHEP CỤM

- | | | |
|----------------|---|-----------------|
| 1. on the edge | • | a. bargain |
| 2. customer | • | b. close |
| 3. excellent | • | c. service |
| 4. stressed | • | d. mistake |
| 5. such a | • | e. of your seat |
| 6. come | • | f. reviews |
| 7. make a | • | g. out |
| 8. dangerous | • | h. driver |

6. BÀI TẬP 3 - DỊCH SANG TIẾNG ANH

- Bộ phim đó hay đến mức tôi ngồi không rời mắt khỏi màn hình.
- Đó thực sự là một món hời.
- Nhà hàng này có những đánh giá tuyệt vời như vậy.
- Nhân viên ở đây rất nhiệt tình và kiên nhẫn.
- Anh ta là một tài xế nguy hiểm đến mức đáng sợ.
- Tôi đã rất căng thẳng trước kỳ thi.
- Dịch vụ khách hàng ở đây thật tuyệt vời.
- Đó là một sai lầm lớn.



7. BÀI TẬP NÂNG CAO - SO / SUCH

- It was _____ a busy restaurant that we had to wait for 30 minutes.
- She was _____ nervous that she couldn't speak.
- They have _____ good customer service that I recommended them to everyone.
- The food was _____ delicious that we ordered more.
- He made _____ many mistakes that his manager became angry.



8. SỬA LỖI

- It was so a good movie that I watched it twice.
- She is such beautiful.
- They had so excellent reviews.
- He was such stressed out after work.
- It was so a dangerous situation.
- They provide such an excellent customer service.
- We had so nice weather yesterday.
- He is so a jerk.



9. BIẾN ĐỔI CÂU

- The restaurant was very good.
→ It was _____.
- The customer service was very excellent.
→ They had _____.
- The driver was extremely dangerous.
→ He was _____.
- The movie was extremely intense.
→ It was _____.
- We had very nice weather.
→ We had _____.
- The laptop was extremely cheap. It was a bargain.
→ It was _____.



11. BÀI TẬP PHRASAL VERBS

- Let's _____ that new sushi restaurant tonight.
- I _____ that the restaurant had excellent reviews.
- The movie _____ to be much better than I expected.
- We planned to watch one movie but _____ watching three.
- The terrible review _____ watching them.
- I'm really _____ new action movie.

GHI NHỚ NHANH

- SO + ADJECTIVE/ADVERB
- SUCH + NOUN PHRASE
- SO + MUCH/MANY
- SO...THAT / SUCH...THAT